

Số: 16/KH-THTVO

Hạ Lý, ngày 14 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II năm học 2022 - 2023

Thực hiện Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BDGDĐT; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và Quy định đánh giá học sinh Tiểu học đối với lớp 1,2,3.

Thực hiện Công văn số 2751/SGDĐT-GDTH ngày 31/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023; Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 06/9/2022 của UBND quận Hồng Bàng về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023; Công văn số 279/PGDĐT ngày 20/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2022-2023,

Thực hiện Kế hoạch số 43/KH-TVO ngày 21/10/2022 của nhà trường về việc triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023; Kế hoạch về việc triển khai công tác khảo thí của nhà trường năm học 2022-2023; trường Tiểu học Trần Văn On xây dựng kế hoạch kiểm tra học kỳ II, năm học 2022-2023 ở các lớp như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá chính xác, kịp thời, khách quan, chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở học kỳ II và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học ở năm học tiếp theo.
- Giúp ban giám hiệu kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục; giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch, biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy tính sáng tạo, tăng cường khả năng tự học, chất lượng dạy và học của nhà trường.
- Việc kiểm tra học kỳ II phải được tiến hành một cách nghiêm túc, khách quan, công bằng, đúng quy chế nhằm đánh giá chính xác kết quả dạy và học trong nhà trường song không gây áp lực về mặt tâm lý đối với học sinh.
- Việc xây dựng ma trận và đề phải đảm bảo đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, có sự thống nhất trong tổ, nhóm chuyên môn, được Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt.
- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức ôn tập trước khi kiểm tra học kỳ ở các môn, giúp học sinh có cơ hội hệ thống hoá, nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của bộ môn.
- Mỗi giáo viên ra đề kiểm tra với các môn học mình tham gia giảng dạy theo đúng quy định: Xây dựng ma trận đề; ra đề đối với lớp 4, 5 theo 4 mức của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định

đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 22); đối với lớp 1, 2, 3 theo 3 mức độ của Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học (Thông tư 27). Nhà trường xây dựng ngân hàng đề kiểm tra với từng bộ môn để thực hiện chủ trương xây dựng “Nguồn học liệu mở” trên Website của trường phục vụ cho GV và HS có thể tham khảo.

- Ban giám hiệu chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra học kỳ đảm bảo nghiêm túc, công bằng, đúng quy chế nhằm đánh giá chính xác, khách quan kết quả dạy và học, góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

II. NỘI DUNG

1. Thời gian thực hiện

- Từ ngày 18/4/2023: Vừa thực hiện chương trình, vừa có kế hoạch ôn tập và kiểm tra học kỳ cho từng môn học.
- Từ ngày 24/4/2023 đến 28/4/2023: Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II.
- Lưu ý: Những học sinh chưa đủ điều kiện hoặc không dự kiểm tra học kỳ, nhà trường phải thông báo và tổ chức kiểm tra bù. Đối với lớp 1, 2, 3 thực hiện theo quy định tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học. Lớp 4, 5 thực hiện theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh khuyết tật có hồ sơ theo dõi phải ra đề kiểm tra riêng phù hợp với khả năng của các em (về mức độ, số lượng).

2. Đối tượng kiểm tra: Học sinh từ khối 1 đến khối 5.

3. Các môn kiểm tra

- Môn Toán, Tiếng Việt (Từ khối 1 đến khối 5)
- Khoa học, Lịch sử, Địa lý (Khối 4,5)
- Môn Tiếng Anh (Khối 3,4,5)
- Môn Tin học (Khối 3,4,5)
- Môn Công nghệ (Khối 3)

4. Giới hạn chương trình, thời lượng, đề và hình thức kiểm tra

- Các tổ SHCM, thống nhất nội dung, giáo viên dạy các môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, Tiếng Anh, Tin học ra đề kiểm tra phải đảm bảo kiến thức theo Phân phối chương trình từ tuần 19 đến tuần 31 của năm học 2022-2023.

- Thời lượng kiểm tra:

+ Môn Toán lớp 1,2,3,4,5: 40 phút.

+ Môn Tiếng Việt:

Lớp 1: 60 phút

Lớp 2: 70 phút

Lớp 3: 80 phút

Lớp 4,5: 90 phút

(Thời gian kiểm tra đọc thành tiếng thực hiện trong các tiết ôn tập cuối HKII môn Tiếng Việt ở các khối lớp hoặc tổ chức theo sắp xếp của bộ phận chuyên môn).

+ Đối với các môn còn lại: Thời gian làm bài 35 - 40 phút.

- Hình thức: trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận trong 1 đề kiểm tra.

5. Ma trận đề kiểm tra

- Đối với các môn Toán, Tiếng Việt: Các tổ/nhóm xây dựng ma trận đề nộp về BGH trước ngày 18/4/2023 với tất cả các môn kiểm tra bằng điểm số (Đ/c Huyền PHT nhận qua mail).

6. Yêu cầu ra đề kiểm tra

6.1. Mức độ

- Đề bài kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức, kĩ năng, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức độ nhận thức của học sinh:

* Đối với lớp 1, 2, 3:

a/ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập (khoảng 40% - 4 câu);

b/ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự (khoảng 40% - 4 câu);

c/ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập hoặc cuộc sống (khoảng 20% - 2 câu);

* Đối với lớp 4, 5:

a/ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học (khoảng 20% - 2 câu);

b/ Mức 2: Hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân (khoảng 30% - 3 câu);

c/ Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống (khoảng 30% - 3 câu);

d/ Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt (khoảng 20% - 2 câu);

Đề kiểm tra phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, thẩm mỹ thể hiện đúng mức độ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng và chương trình giảm tải được xác định trong chương trình và sách giáo khoa của mỗi môn học. Lời văn, câu chữ rõ ràng không sai sót.

- Đối với các môn Toán, Tiếng Việt lớp 5: Nhà trường chủ động xây dựng trên cơ sở ma trận đề kiểm tra do Phòng GD&ĐT xây dựng.
- Đối với các môn còn lại của các khối lớp: Nhà trường chủ động xây dựng đề theo ma trận riêng.

6.2. Cấu trúc đề

Đề kiểm tra phải thể hiện được sự đổi mới trong kiểm tra đánh giá và dựa vào chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình:

- Có biểu điểm rõ ràng cho từng phần và từng câu hỏi.
- Kết hợp cả 2 hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan (theo tỉ lệ hợp lý giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận đối với môn Toán; môn Tiếng Việt và các môn khác theo nội dung yêu cầu của chương trình môn học). Phần trắc nghiệm khách quan câu lệnh phải đầy đủ, rõ ràng tránh dẫn đến sự hiểu lầm đối với học sinh.
- Nội dung phải đảm bảo kiểm tra được các mức độ nhận thức của học sinh theo mục 6.1 để phân loại đối tượng.

Yêu cầu cụ thể như sau:

a. Môn Tiếng Việt

- Lớp 1: Tổng: 10 điểm, trong đó
 - + Đọc: 7 điểm (gồm đọc thành tiếng: 5 điểm; Đọc hiểu: 2 điểm);
 - + Viết: 3 điểm (gồm Chính tả: 2 điểm; kiểm tra kỹ năng viết chữ ghi âm đầu đúng chính tả: 1 điểm).
- Lớp 2: Tổng: 10 điểm, trong đó:
 - + Đọc: 5 điểm (gồm đọc thành tiếng: 2 điểm, trả lời câu hỏi: 1 điểm và Đọc hiểu: 2 điểm);
 - + Viết: 5 điểm (Viết chính tả: 2 điểm, bài tập chính tả: 1 điểm và viết đoạn văn: 2 điểm).
- Lớp 3:
 - + Đọc: 10 điểm (Đọc thành tiếng+nghe nói: 4 điểm; Đọc hiểu và kiến thức Tiếng Việt: 6 điểm)
 - + Viết: 10 điểm (Chính tả: 4 điểm; viết đoạn văn: 6 điểm)
- Lớp 4, 5:
 - + Đọc: 10 điểm (Đọc thành tiếng: 3 điểm; Đọc hiểu và kiến thức Tiếng Việt: 7 điểm)
 - + Viết: 10 điểm (Chính tả: 2 điểm; Tập làm văn: 8 điểm)

* Lưu ý: Điểm từng câu có thể cho đến 0,5. Cần có biểu điểm chi tiết cho phần Tập làm văn.

b. Môn Toán

Ra đề đảm bảo kiến thức cân đối các nội dung trong chương trình học như sau:

- Lớp 1,2,3:
- + Số học: 60-70%; Yếu tố hình học: 10-20%; Đại lượng và đo đại lượng (tùy theo kiến thức học trong HK II): 10-20%; Giải toán có lời văn tích hợp vào mạch kiến thức số học chủ yếu ở mức độ 3.

Trắc nghiệm khách quan: khoảng 50-60% Tự luận: khoảng 40-50%

- Lớp 4,5:
- + Số học: 60-70%; Yếu tố hình học: 10-20%; Đại lượng và đo đại lượng: 10-20% (tùy theo kiến thức học trong HK I); Giải toán có lời văn tích hợp vào mạch kiến thức số học, hình học chủ yếu ở mức độ 3 và 4.

Trắc nghiệm khách quan: khoảng 60-70% Tự luận: khoảng 30-40%

* Lưu ý: Trong mỗi đề có câu hỏi kiểm tra phần kiến thức cơ bản theo chuẩn kiến thức kỹ năng; Trắc nghiệm khách quan có thể thực hiện dưới nhiều hình thức: Lựa chọn đáp án, điền khuyết, nói, Đ/S,...

c. Môn Khoa học- Lịch sử và Địa lý (Lớp 4, 5)

- Môn Khoa học:

Câu hỏi kiểm tra nên tập trung hỏi về những kiến thức phổ thông, thường thức đời sống gắn liền giữa nhà trường, gia đình và xã hội mà học sinh có thể vận dụng được.

- + Mức 1: khoảng 20%
- + Mức 3: khoảng 30%

Trắc nghiệm khách quan: khoảng 70%

- + Mức 2: khoảng 30%
 - + Mức 4: khoảng 20%
- Tự luận: khoảng 30%

- Môn Lịch sử và Địa lý

Câu hỏi kiểm tra về kiến thức lịch sử nên tập trung hỏi về: sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu theo dòng thời gian với những đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của các vị tiền nhân. Câu hỏi kiểm tra về kiến thức địa lý nên tập trung hỏi về sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ địa lý đơn giản ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

+ Lịch sử: 50%

+ Địa lý: 50%

Trong đó:

+ Mức 1: khoảng 20%

+ Mức 2: khoảng 30%

+ Mức 3: khoảng 30%

+ Mức 4: khoảng 20%

Trắc nghiệm khách quan: khoảng 70%

Tự luận: khoảng 30%

d. Các môn Tiếng Anh - Tin học - Công nghệ

* Môn Tiếng Anh:

- Đánh giá định kì cần hướng tới mục tiêu phát triển giao tiếp, thực hiện đánh giá cả 4 kĩ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.
- Bài kiểm tra Nghe, Đọc, Viết cần mang tính đại diện cho toàn bộ các nội dung đã được học trong học kì đó và được thực hiện trong một buổi không quá 35 phút.

- Có thể tách riêng hoặc gộp chung kĩ năng Đọc và Viết với học sinh lớp 3 và 4.

- Kiểm tra kĩ năng Nói được tiến hành riêng trước hoặc sau bài kiểm tra Nghe, Đọc và Viết; Nếu không bố trí được thời gian, giáo viên có thể linh hoạt sử dụng kết quả luyện nói của học sinh trong quá trình đánh giá thường xuyên và bổ sung thêm các yêu cầu kiểm tra (nếu cần) để lấy điểm kĩ năng Nói cho học sinh.

- Các bài kiểm tra cần được thiết kế theo 4 mức độ nhận thức được quy định trong Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT. Tỷ lệ các mức độ nhận thức trong bài kiểm tra do giáo viên quyết định tùy thuộc vào thực tế dạy - học.

- Giáo viên chủ động lựa chọn nhiệm vụ đánh giá (loại hình bài tập) và số lượng câu hỏi phù hợp với kiến thức kĩ năng cần đánh giá. Nên sử dụng từ hai đến bốn loại nhiệm vụ đánh giá cho một kĩ năng và không quá 40 câu hỏi cho một bài kiểm tra.

- Với học sinh lớp 3, mức độ ra đề là Mức 1: 40%; Mức 2: 40%; Mức 3: 20%

- Với học sinh lớp 4,5, mức độ ra đề là Mức 1: 20%; Mức 2: 30%; Mức 3: 30%;
Mức 4: 20%.

- Với học sinh lớp 1, 2 làm quen với tiếng Anh, **không** làm bài kiểm tra, tập trung chủ yếu vào đánh giá, nhận xét kĩ năng Nghe và Nói của mỗi HS.

* Môn Tin học

Lớp 3:

+ Mức 1: khoảng 40% + Mức 2: khoảng 40% + Mức 3: khoảng 20%

Lí thuyết (15 phút): 50% - 5 điểm

Thực hành (20 phút): 50% - 5 điểm

Lớp 4,5:

+ Mức 1: khoảng 20%

+ Mức 2: khoảng 30%

+ Mức 3: khoảng 30%

+ Mức 4: khoảng 20%

Lí thuyết (10 phút): 40% - 4 điểm

Thực hành (25 phút): 60% - 6 điểm

*** Môn Công nghệ:**

Lớp 3:

+ Mức 1: khoảng 40% + Mức 2: khoảng 40% + Mức 3: khoảng 20%

* Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập các đ/c GVCN và GV dạy môn Tiếng Anh, Tin học cần cử vào khả năng của học sinh ra 02 đề giảm nhẹ yêu cầu về số lượng và mức độ kiến thức phù hợp với học sinh; tổ trưởng duyệt đề đối với môn văn hóa, đ/c Thanh duyệt đề Tiếng Anh trước khi nộp về Ban giám hiệu.

* Đảm bảo tính bảo mật của đề:

Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm về chất lượng và tính bảo mật của đề kiểm tra.

7. Triển khai thực hiện

7.1. Chuẩn bị đề kiểm tra cuối HK II

- Giáo viên dạy các khối lớp ra đề nộp tổ trưởng (Môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS & ĐL, công nghệ); môn Tiếng Anh, Tin học nộp về đ/c PHT.
- Các đ/c tổ trưởng thẩm định đề, chọn mỗi khối lớp 2 đề nộp về Ban giám hiệu: trước ngày 17/4/2023 (qua mail: thanhhuyen707@gmail.com).
- Hội đồng thẩm định đề và chọn đề kiểm tra chính thức: Ngày 18/4/2023
- In sao đề đến tận tay học sinh.

7.2. Lịch kiểm tra và chấm bài

MÔN KIỂM TRA	THỨ	NGÀY	SÁNG	CHIỀU
Tin học	Hai	24/4/2023	Kiểm tra lý thuyết: Tiết 2: lớp 3 Tiết 3: lớp 4 Tiết 4: lớp 5	GV Tin học trông tiết chấm bài cả tuần
			Thực hành: Kiểm tra theo TKB	
			Tiết 2: lớp 3 Tiết 3: lớp 4 Tiết 4: lớp 5	GV Tiếng Anh trông tiết chấm bài cả tuần
Công nghệ	Ba	25/4/2023	Kĩ năng nói: Kiểm tra theo TKB	
Khoa, Sử & Địa	Ba	25/4/2023	Tiết 3: lớp 3	Chấm bài môn công nghệ: GV lớp 3
	Tư	26/4/2023	Tiết 2: Khoa học lớp 4,5 Tiết 3: LS&ĐL lớp 4,5	Chấm bài môn KH, LS&ĐL 4: GV lớp 5
	Năm	27/4/2023	Lớp 1,2,3 - Từ 7h50->8h30: Toán - Từ 8h50->10h10: TV	Chấm bài môn KH, LS&ĐL 5: GV lớp 4
	Sáu	28/4/2023	Khối 4,5 - Từ 7h40->8h20: Toán - Từ 8h40->10h30: TV	13h50: Chấm bài KT Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ

7.3. Tổ chức coi, chấm kiểm tra

- Phân công GV chéo giữa các khối

- *Tổ chức chấm bài kiểm tra các môn học:*

+ Thời gian Hội đồng chấm bài kiểm tra làm việc từ ngày 24/4/2023 đến hết ngày 28/4/2023 với các môn Tin học, Tiếng Anh, Công nghệ, Khoa học, Lịch sử và Địa lý; từ 08/5/2023 đến 11/5/2023 đối với môn Toán và Tiếng Việt. (lịch chấm bài có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế)

- + Thời gian tổng hợp, thống kê, báo cáo: Trước ngày 13/5/2023.

8. Phân công thực hiện

8.1. Phó Hiệu trưởng

- Chuẩn bị hồ sơ, CSVC tổ chức Kiểm tra HKI.
- Tập hợp đề, ra đề kiểm tra.
- Tham gia Hội đồng thẩm định đề kiểm tra, phê tô đề kiểm tra.
- Chuẩn bị, rà soát danh sách HS đối chiếu giấy khai sinh, lập danh sách HS các lớp kiểm tra học kỳ I (*hoàn thành trước ngày 22/4/2023*)
- Kiểm tra, chuẩn bị CSVC ở các phòng học đảm bảo đủ điều kiện tổ chức kiểm tra HK I. (lớp 1,2,3 HS ngồi kiểm tra theo lớp; lớp 4,5 HS ngồi kiểm tra theo phòng)

- Tham gia Hội đồng chấm kiểm tra HK II.

- Tổng hợp, báo cáo thống kê toàn trường nộp PGD theo biểu mẫu.

8.2. Tổ trưởng chuyên môn

- Tập hợp đề kiểm tra của giáo viên trong tổ nộp về đ/c PHT.
- Tham gia Hội đồng thẩm định đề kiểm tra.
- Tham gia coi, chấm bài kiểm tra theo quyết định
- Thống kê, báo cáo, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường về độ chính xác các bảng thống kê của Tổ và đảm bảo đúng tiến độ.

8.3. Tổ phó chuyên môn

- Tập hợp đề kiểm tra của giáo viên trong khối cùng TTCM.
- Tham gia coi, chấm bài kiểm tra theo quyết định.
- Thống kê, báo cáo, chịu trách nhiệm trước tổ trưởng chuyên môn về độ chính xác các bảng thống kê của tổ và đảm bảo đúng tiến độ.

8.4. Giáo viên chủ nhiệm

- Triển khai ôn tập kiến thức cho học sinh.

- Ra đề kiểm tra phù hợp với trình độ học sinh của lớp.
- Tham gia cùng PHT kiểm tra đối chiếu giấy khai sinh với danh sách học sinh tham gia dự kiểm tra.
- Thông báo tới PHHS, HS lịch kiểm tra HK II năm học 2022-2023.
- Tham gia coi, chấm bài kiểm tra theo quyết định.
- Thống kê, báo cáo, chịu trách nhiệm trước tổ trưởng chuyên môn về độ chính xác các bảng thống kê của lớp và đảm bảo đúng tiến độ.
- Cập nhật kết quả học kì II trên CSDL trước ngày 26/5/2023.

8.5. Giáo viên dạy Tiếng Anh, Tin học

- Triển khai ôn tập kiến thức cho học sinh.
- Ra đề kiểm tra phù hợp với trình độ học sinh của lớp.
- Tham gia coi, chấm bài kiểm tra theo quyết định.
- Thống kê, báo cáo, chịu trách nhiệm trước Đ/c PHT về độ chính xác các bảng thống kê của các lớp và đảm bảo đúng tiến độ.
- Cập nhật kết quả học kì II trên CSDL trước ngày 26/5/2023.

8.6. Giáo viên dạy các bộ môn

- Triển khai ôn tập kiến thức cho học sinh.
- Ra đề kiểm tra phù hợp với trình độ học sinh của lớp (môn Khoa học, Lịch sử & Địa lý, Công nghệ)
- Tham gia coi, chấm bài kiểm tra theo quyết định.
- Đánh giá chính xác kết quả các HĐGD của HS.
- Thống kê, báo cáo, chịu trách nhiệm trước Đ/c PHT về độ chính xác các bảng thống kê của các lớp và đảm bảo đúng tiến độ.
- Cập nhật kết quả học kì II trên CSDL trước ngày 26/5/2023.

Đ/c Đỗ Hào (GV Tin học):

- Hỗ trợ đ/c Phó hiệu trưởng lập danh sách HS, các biểu bảng thống kê.
- Cập nhật lịch kiểm tra HK II lên trang Web của nhà trường trước ngày 22/4/2023.
- Cập nhật điểm của học sinh toàn trường theo lớp, khối công khai trên trang Webs của nhà trường khi có kết quả.
- Kiểm tra việc cập nhật kết quả học kì II trên CSDL của GV và báo về PHT trước ngày 27/5/2023.

8.8. Văn thư (Đ/c Phương Thảo)

Chuẩn bị CSVC phục vụ Hội đồng coi kiểm tra:

- Giấy kiểm tra, phần, bút....

- Bảng điều hành của Hội đồng coi kiểm tra HK II.
- Tham gia Hội đồng in sao đề kiểm tra.

8.9. Nhân viên Thiết bị, TPT

+ Đ/c *Trương Thủy*:

- Kiểm tra, bổ sung hệ thống bàn ghế đảm bảo đủ cho học sinh ngồi kiểm tra theo số số các lớp và báo cáo đ/c PHT.
 - Chuẩn bị SGK môn Tiếng Việt lớp 4,5 (Số lượng từng phòng)
 - Tham gia Hội đồng in sao đề kiểm tra.
- #### + Đ/c *TPT* (L.Thúy):
- Hỗ trợ quản lý và điều hành HS trước giờ kiểm tra.
 - Phụ trách hiệu lệnh trống
 - Tham gia Hội đồng in sao đề kiểm tra.

8.10. Kế toán, thủ quỹ

- Mua sắm CSVC phục vụ kiểm tra HK II.
- Hoàn thành thủ tục chứng từ tài chính liên quan mua sắm CSVC phục vụ Hội đồng coi kiểm tra HK II.

8.11. Thanh tra nhân dân

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng coi, chấm bài kiểm tra HK II năm học 2022-2023.

- Báo cáo cấp ủy, Hội đồng trường.

Nhận được kế hoạch này đề nghị các đ/c được phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc đề nghị các đ/c báo cáo Ban giám hiệu để điều chỉnh kịp thời. *(Ký)*

Nơi nhận:

- BGH;
- Tổ trưởng CM;
- GV, NV nhà trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ Khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG



Tô Văn Hoài